ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ VANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG BỐ ĐIỂM TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN ANH VĂN, BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ, ĐỢT 2 NĂM 2017

TT	Họ và tên		Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	ĐTB chung toàn khóa học (theo thang điểm 100)	ĐTB chung toàn khóa học (nhân hệ số 2)	Điểm phỏng vấn (theo thang điểm 100)	Điểm phỏng vấn (nhân hệ số 2)	Tổng điểm
1	Nguyễn Khoa Ngọc	Ánh	1992	Phong Điền, Phong Điền	Đại học	SP Tiếng Anh	77.90	155.80	0.00	0.00	155.80
2	Nguyễn Thị Phượng	B	1990	Thủy Phương, Hương Thủy	Đại học	SP Tiếng Anh	73.00	146.00	0.00	0.00	146.00
3	Phan Thị Thanh	Bấp	1991	Phú Đa, Phú Vang	Đại học	SP Tiếng Anh	73.00	146.00	15.00	30.00	176.00
4	Lê Thị Diễm	Châu	1993	Phú Đa, Phú Vang	Đại học	SP Tiếng Anh	74.70	149.40	30.00	60.00	209.40
5	Hoàng Thị Phương	Chi	1994	Phú Cát, TP Huế	Đại học	SP Tiếng Anh	77.00	154.00	85.00	170.00	324.00
6	Hồ Thị	Đông	1990	Vinh An, Phú Vang	Đại học	SP Tiếng Anh	78.00	156.00	0.00	0.00	156.00
7	Nguyễn Thị	Dung	1984	Tây Lộc, Thành phố Huế	Đại học (Thạc sĩ)	SP Tiếng Anh	73.90	147.80	50.00	100.00	247.80
8	Lại Thị Hòa	Hiệp	1992	Vinh Phú, Phú Vang	Đại học	SP Tiếng Anh	77.80	155.60	40.00	80.00	235.60
9	Nguyễn Thị Thuý	Lịch	1992	Phú Diên, Phú Vang	Đại học	SP Tiếng Anh	78.70	157.40	68.00	136.00	293.40
10	Lê Thị Kim	Liên	1988	Phú Xuân, Phú Vang	Đại học	SP Tiếng Anh	70.40	140.80	65.00	130.00	270.80

TT	Họ và tên		Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	ĐTB chung toàn khóa học (theo thang điểm 100)	ĐTB chung toàn khóa học (nhân hệ số 2)	Điểm phỏng vấn (theo thang điểm 100)	Điểm phỏng vấn (nhân hệ số 2)	Tổng điểm
11	Lê Nguyễn Quỳnh	Ly	1994	Trường An, TP Huế	Đại học	SP Tiếng Anh	73.10	146.20	50.00	100.00	246.20
12	Huỳnh Thị Như	Ngọc	1994	Phú An, Phú Vang	Đại học	SP Tiếng Anh	75.70	151.40	50.00	100.00	251.40
13	Nguyễn Thị Hoàng	Nguyên	1994	Thủy Biều, Thành phố Huế	Đại học	SP Tiếng Anh	81.50	163.00	63.00	126.00	289.00
14	Nguyễn Thị Ngọc	Nhàn	1991	Vĩ Dạ, TP Huế	Đại học	SP Tiếng Anh	72.90	145.80	40.00	80.00	225.80
15	Nguyễn Thị Phương	Nhi	1994	Phú Thượng, Phú Vang	Đại học	SP Tiếng Anh	75.80	151.60	60.00	120.00	271.60
16	Hồ Thị Khánh	Nhi	1994	Phú An, Phú Vang	Đại học	SP Tiếng Anh	71.60	143.20	20.00	40.00	183.20
17	Nguyễn Thị	Phúc	1989	Phú Dương, Phú Vang	Đại học	SP Tiếng Anh	72.30	144.60	40.00	80.00	224.60
18	Châu Thị Tuý	Phương	1984	An Đông, TP Huế	Đại học	Ngôn ngữ Anh	75.80	151.60	80.00	160.00	311.60
19	Võ Thị	Phương	1991	Vinh Thanh, Phú Vang	Đại học	SP Tiếng Anh	72.90	145.80	50.00	100.00	245.80
20	Nguyễn Thị	Phượng	1995	Phú Đa, Phú Vang	Đại học	SP Tiếng Anh	77.30	154.60	50.00	100.00	254.60
21	Lê Thị	Quý	1994	Phú Mỹ, Phú Vang	Đại học	SP Tiếng Anh	79.80	159.60	0.00	0.00	159.60
22	Ngô Thị Bảo	Thanh	1992	Tây Lộc, TP Huế	Đại học	SP Tiếng Anh	78.40	156.80	69.00	138.00	294.80

TT	Họ và tên		Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	ĐTB chung toàn khóa học (theo thang điểm 100)	ĐTB chung toàn khóa học (nhân hệ số 2)	Điểm phỏng vấn (theo thang điểm 100)	Điểm phỏng vấn (nhân hệ số 2)	Tổng điểm
23	Lê Hoàng Anh	Thảo	1995	Phú Bài, Hương Thủy	Đại học	SP Tiếng Anh	80.30	160.60	65.00	130.00	290.60
24	Nguyễn Thị	Thúy	1995	Thủy Lương, Hương Thủy	Đại học	SP Tiếng Anh	72.40	144.80	30.00	60.00	204.80
25	Hà Thị Mai	Thuyên	1995	Phú Hồ, Phú Vang	Đại học	SP Tiếng Anh	71.80	143.60	45.00	90.00	233.60
26	Lê Thị Vĩnh	Trinh	1994	Thuỷ Vân, Hương Thuỷ	Đại học	SP Tiếng Anh	73.60	147.20	85.00	170.00	317.20
27	Nguyễn Thị Minh	Tú	1994	Vĩ Dạ, TP Huế	Đại học	SP Tiếng Anh	77.60	155.20	0.00	0.00	155.20
28	Đậu Thị	Tuyết	1993	Thạch Hà, Hà Tĩnh	Đại học	SP Tiếng Anh	74.70	149.40	0.00	0.00	149.40
29	Tôn Nữ Bích	Vân	1990	Thuỷ Biều, TP Huế	Đại học	Tiếng Anh	72.50	145.00	60.00	120.00	265.00

Tổng cộng danh sách gồm có 29 người./.

Phú Vang, ngày 30 tháng 01 năm 2018

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Lê Đình Phong

PHÒNG NỘI VỤ
TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Hải

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

La Phúc Thành